

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học
CBGD

Cầu lông 2
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 06

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234013	1	2122120118	Trần Đức Quốc Thanh	Bình	20/12/2004	CCQ2212D	0.0	0.0	0,00	
234013	2	2122120216	Nguyễn Thị Kim	Chi	05/09/2004	CCQ2212G	7.3	4.0	5,30	
234013	3	2122110297	Nguyễn Văn	Chính	30/09/2004	CCQ2211H	0.0	0.0	0,00	
234013	4	2121170648	Nguyễn Minh	Đạo	15/08/2003	CCQ2117D	8.0	7.0	7,40	
234013	5	2122110333	Hoàng Phùng Thành	Đạt	13/08/2004	CCQ2211I	6.5	4.0	5,00	
234013	6	2122120272	Trần Thị Nhật	Diễm	17/11/2004	CCQ2212H	8.0	5.0	6,20	
234013	7	2122120211	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	26/06/2004	CCQ2212G	8.0	7.0	7,40	
234013	8	2122200017	Lê Thị Ngọc	Duyên	21/05/2004	CCQ2220A	7.8	4.0	5,50	
234013	9	2122100022	Võ Thị Mỹ	Duyên	21/12/2004	CCQ2210A	8.4	6.0	7,00	
234013	10	2122120313	Trần Thị	Giang	25/08/2004	CCQ2212J	8.5	7.0	7,60	
234013	11	2122100345	Nguyễn Ngọc	Hà	18/01/2003	CCQ2210J	7.8	4.0	5,50	
234013	12	2122200023	Đỗ Thị Thu	Hằng	01/05/2004	CCQ2220A	8.3	6.0	6,90	
234013	13	2122120192	Trần Thị Bích	Hằng	28/09/2004	CCQ2212F	8.3	5.0	6,30	
234013	14	2122260112	Hồ Dạ	Hảo	22/05/2004	CCQ2226D	6.0	7.0	6,60	
234013	15	2122120228	Phan Thanh	Hậu	12/11/2004	CCQ2212G	7.3	7.0	7,10	
234013	16	2122260109	Nguyễn Thị	Hây	08/06/2004	CCQ2226D	8.3	8.0	8,10	
234013	17	2121130024	Não Nữ Thuyên	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	7.3	4.0	5,30	
234013	18	2122200230	Phan Như	Hội	11/12/2004	CCQ2220G	6.8	4.0	5,10	
234013	19	2122200226	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	18/10/2004	CCQ2220G	8.5	3.0	5,20	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234013	20	2122190140	Vi Thị Ánh	Hồng	06/12/2004	CCQ2219D	6.8	5.0	5,70	
234013	21	2122170296	Phạm Quốc	Hữu	22/10/2004	CCQ2203H	8.0	8.0	8,00	
234013	22	2122120452	Nông Thị Ngọc	Huyền	23/05/2004	CCQ2212M	8.0	9.0	8,60	
234013	23	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	11/04/2004	CCQ2211H	8.0	6.0	6,80	
234013	24	2122200028	Lê Thị	Khánh	27/07/2004	CCQ2220A	7.6	7.0	7,20	
234013	25	2122200029	Phan Thị Kim	Lài	13/06/2004	CCQ2220A	0.0	0.0	0,00	
234013	26	2122100027	Đinh Thị Kiều	Lan	18/02/2004	CCQ2210A	8.0	6.0	6,80	
234013	27	2122110298	Nguyễn Văn	Liêm	30/09/2004	CCQ2211H	6.8	8.0	7,50	
234013	28	2120120162	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/08/2002	CCQ2012C	7.0	4.0	5,20	
234013	29	2122120468	Nguyễn Thị Kim	Loan	06/02/2004	CCQ2212N	8.8	8.0	8,30	
234013	30	2121120239	Nguyễn Tấn	Lộc	31/08/2003	CCQ2112G	0.0	0.0	0,00	
234013	31	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	12/08/2003	CCQ2211H	7.5	4.0	5,40	
234013	32	2122100031	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/04/2004	CCQ2210A	8.0	7.0	7,40	
234013	33	2122270024	Bùi Thị Thảo	Nguyễn	15/02/2004	CCQ2227A	5.8	8.0	7,10	
234013	34	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyễn	26/09/2004	CCQ2211H	0.0	0.0	0,00	
234013	35	2121130023	Kiều Thị Hồng	Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A	6.0	7.0	6,60	
234013	36	2122260068	Trương Thúy	Nhàn	20/05/2004	CCQ2226C	7.8	4.0	5,50	
234013	37	2122120545	Lê Thị Xuân	Nhi	22/11/2004	CCQ2212O	6.8	5.0	5,70	
234013	38	2122120213	Nguyễn Lê Tâm	Nhi	25/11/2004	CCQ2212G	7.5	7.0	7,20	
234013	39	2122120568	Đào Trúc	Như	03/05/2004	CCQ2212P	7.8	7.0	7,30	
234013	40	2122120454	Lương Thị Kim	Oanh	26/11/2004	CCQ2212M	6.5	9.0	8,00	
234013	41	2122200195	Vũ Thị	Phượng	18/02/2004	CCQ2220G	7.8	6.0	6,70	
234013	42	2121210070	Nguyễn Hữu Phú	Quý	15/02/2003	CCQ2121D	7.0	9.0	8,20	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234013	43	2122120331	Phan Thị Như	Quỳnh	03/03/2004	CCQ2212J	6.0	7.0	6,60	
234013	44	2123200549	Vi Thị	Sâm	17/10/2001	CCQ2320F	8.3	6.0	6,90	
234013	45	2122200041	Trần Thị	Sen	30/10/2004	CCQ2220B	7.8	7.0	7,30	
234013	46	2122110315	Nguyễn Vinh	Sơn	28/02/1998	CCQ2211H	8.0	4.0	5,60	
234013	47	2122110340	Hồ Đức	Tài	28/04/2004	CCQ2211I	7.0	5.0	5,80	
234013	48	2122100350	Phạm Võ Như	Tâm	04/02/2004	CCQ2210J	7.8	5.0	6,10	
234013	49	2122120392	Đặng Thị	Thảo	02/11/2004	CCQ2212L	7.3	4.0	5,30	
234013	50	2122120212	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/01/2004	CCQ2212G	7.5	7.0	7,20	
234013	51	2122120582	Văn Ngọc	Thiện	04/01/2004	CCQ2212P	5.3	3.0	3,90	
234013	52	2122260099	Nguyễn Minh	Thơ	11/06/2002	CCQ2226C	7.8	6.0	6,70	
234013	53	2122100346	Lê Thị Ngọc	Thơ	21/04/2004	CCQ2210J	6.3	8.0	7,30	
234013	54	2122200037	Võ Thị Anh	Thư	21/08/2004	CCQ2220B	7.3	8.0	7,70	
234013	55	2122260098	Sầm Thị	Thúy	03/10/2004	CCQ2226C	8.5	7.0	7,60	
234013	56	2122120218	Nguyễn Phương	Thùy	05/04/2004	CCQ2212G	7.5	4.0	5,40	
234013	57	2122200065	Lê Đào Xuân	Tiên	12/02/2002	CCQ2220G	7.0	4.0	5,20	
234013	58	2122120253	Nguyễn Thị Thanh	Tiên	23/10/2004	CCQ2212H	7.3	4.0	5,30	
234013	59	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A	7.5	5.0	6,00	
234013	60	2122120515	Hồ Thị Mỹ	Trâm	28/12/2004	CCQ2212N	8.0	6.0	6,80	
234013	61	2122260257	Hồ Thị Thu	Trang	06/03/2004	CCQ2226E	6.0	6.0	6,00	
234013	62	2122260072	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/03/2004	CCQ2226C	8.0	5.0	6,20	
234013	63	2122200013	Trần Thị Kim	Trúc	28/10/2004	CCQ2220A	8.0	7.0	7,40	
234013	64	2123190080	Nguyễn Minh	Tú	08/06/2004	CCQ2319C	0.0	0.0	0,00	
234013	65	2122110310	Loan Thanh	Tùng	16/12/2004	CCQ2211H	6.3	6.0	6,10	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234013	66	2122200227	Đoàn Thị Mỹ	Viên	14/06/2004	CCQ2220G	8.0	4.0	5,60	
234013	67	2122100010	Nguyễn Thị Kiều	Xuân	23/03/2003	CCQ2210A	7.8	6.0	6,70	
234013	68	2122120177	Đào Thị Hoàng	Yến	27/08/2004	CCQ2212F	7.3	4.0	5,30	
234013	69	2122260095	Tô Thị Ngọc	Yến	24/04/2004	CCQ2212M	0.0	0.0	0,00	

TPHCM , ngày 28 tháng 10 năm 2023


Lương Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học/Nhóm
CBGD

Cầu lông 2 - 06
Lương Anh Kiệt

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
1	2122120118	Trần Đức Quốc Thanh	Bình	20/12/2004	CCQ2212D					0.0	
2	2122120216	Nguyễn Thị Kim	Chi	05/09/2004	CCQ2212G	7.0	10.0	6.0		7.3	
3	2122110297	Nguyễn Văn	Chính	30/09/2004	CCQ2211H					0.0	
4	2121170648	Nguyễn Minh	Đạo	15/08/2003	CCQ2117D	8.0	8.0	8.0		8.0	
5	2122110333	Hoàng Phùng Thành	Đạt	13/08/2004	CCQ2211I	7.0	7.0	6.0		6.5	
6	2122120272	Trần Thị Nhật	Diễm	17/11/2004	CCQ2212H	10.0	8.0	7.0		8.0	
7	2122120211	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	26/06/2004	CCQ2212G	8.0	10.0	7.0		8.0	
8	2122200017	Lê Thị Ngọc	Duyên	21/05/2004	CCQ2220A	7.0	10.0	7.0		7.8	
9	2122100022	Võ Thị Mỹ	Duyên	21/12/2004	CCQ2210A	10.0	7.5	8.0		8.4	
10	2122120313	Trần Thị	Giang	25/08/2004	CCQ2212J	8.0	10.0	8.0		8.5	
11	2122100345	Nguyễn Ngọc	Hà	18/01/2003	CCQ2210J	10.0	7.0	7.0		7.8	
12	2122200023	Đỗ Thị Thu	Hằng	01/05/2004	CCQ2220A	7.0	10.0	8.0		8.3	
13	2122120192	Trần Thị Bích	Hằng	28/09/2004	CCQ2212F	10.0	7.0	8.0		8.3	
14	2122260112	Hồ Dạ	Hảo	22/05/2004	CCQ2226D	7.0	3.0	7.0		6.0	
15	2122120228	Phan Thanh	Hậu	12/11/2004	CCQ2212G	7.0	10.0	6.0		7.3	
16	2122260109	Nguyễn Thị	Hây	08/06/2004	CCQ2226D	10.0	7.0	8.0		8.3	
17	2121130024	Nã Nữ Thuýên	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	8.0	5.0	8.0		7.3	
18	2122200230	Phan Như	Hội	11/12/2004	CCQ2220G	3.0	8.0	8.0		6.8	
19	2122200226	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	18/10/2004	CCQ2220G	8.0	10.0	8.0		8.5	

20	2122190140	Vi Thị Ánh	Hồng	06/12/2004	CCQ2219D	7.0	4.0	8.0		6.8	
21	2122170296	Phạm Quốc	Hữu	22/10/2004	CCQ2203H	9.0	5.0	9.0		8.0	
22	2122120452	Nông Thị Ngọc	Huyền	23/05/2004	CCQ2212M	5.0	9.0	9.0		8.0	
23	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	11/04/2004	CCQ2211H	8.0	10.0	7.0		8.0	
24	2122200028	Lê Thị	Khánh	27/07/2004	CCQ2220A	7.5	7.0	8.0		7.6	
25	2122200029	Phan Thị Kim	Lài	13/06/2004	CCQ2220A					0.0	
26	2122100027	Đinh Thị Kiều	Lan	18/02/2004	CCQ2210A	10.0	8.0	7.0		8.0	
27	2122110298	Nguyễn Văn	Liêm	30/09/2004	CCQ2211H	8.0	5.0	7.0		6.8	
28	2120120162	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/08/2002	CCQ2012C	5.0	7.0	8.0		7.0	
29	2122120468	Nguyễn Thị Kim	Loan	06/02/2004	CCQ2212N	9.0	10.0	8.0		8.8	
30	2121120239	Nguyễn Tấn	Lộc	31/08/2003	CCQ2112G					0.0	
31	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	12/08/2003	CCQ2211H	9.0	5.0	8.0		7.5	
32	2122100031	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/04/2004	CCQ2210A	10.0	8.0	7.0		8.0	
33	2122270024	Bùi Thị Thảo	Nguyên	15/02/2004	CCQ2227A	7.0	0.0	8.0		5.8	
34	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H					0.0	
35	2121130023	Kiều Thị Hồng	Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A	7.0	3.0	7.0		6.0	
36	2122260068	Trương Thúy	Nhàn	20/05/2004	CCQ2226C	7.0	10.0	7.0		7.8	
37	2122120545	Lê Thị Xuân	Nhi	22/11/2004	CCQ2212O	7.0	8.0	6.0		6.8	
38	2122120213	Nguyễn Lê Tâm	Nhi	25/11/2004	CCQ2212G	8.0	8.0	7.0		7.5	
39	2122120568	Đào Trúc	Như	03/05/2004	CCQ2212P	10.0	7.0	7.0		7.8	
40	2122120454	Lương Thị Kim	Oanh	26/11/2004	CCQ2212M	5.0	7.0	7.0		6.5	
41	2122200195	Vũ Thị	Phượng	18/02/2004	CCQ2220G	7.0	10.0	7.0		7.8	
42	2121210070	Nguyễn Hữu Phú	Quý	15/02/2003	CCQ2121D	9.0	3.0	8.0		7.0	
43	2122120331	Phan Thị Như	Quỳnh	03/03/2004	CCQ2212J	7.0	5.0	6.0		6.0	

44	2123200549	Vi Thị Sâm	17/10/2001	CCQ2320F	7.0	10.0	8.0		8.3	
45	2122200041	Trần Thị Sen	30/10/2004	CCQ2220B	8.0	7.0	8.0		7.8	
46	2122110315	Nguyễn Vinh Sơn	28/02/1998	CCQ2211H	8.0	10.0	7.0		8.0	
47	2122110340	Hồ Đức Tài	28/04/2004	CCQ2211I	7.0	7.0	7.0		7.0	
48	2122100350	Phạm Võ Như Tâm	04/02/2004	CCQ2210J	7.0	10.0	7.0		7.8	
49	2122120392	Đặng Thị Thảo	02/11/2004	CCQ2212L	7.0	8.0	7.0		7.3	
50	2122120212	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/01/2004	CCQ2212G	8.0	8.0	7.0		7.5	
51	2122120582	Văn Ngọc Thiện	04/01/2004	CCQ2212P	7.0	0.0	7.0		5.3	
52	2122260099	Nguyễn Minh Thơ	11/06/2002	CCQ2226C	7.0	10.0	7.0		7.8	
53	2122100346	Lê Thị Ngọc Thơi	21/04/2004	CCQ2210J	8.0	3.0	7.0		6.3	
54	2122200037	Võ Thị Anh Thư	21/08/2004	CCQ2220B	5.0	8.0	8.0		7.3	
55	2122260098	Sầm Thị Thúy	03/10/2004	CCQ2226C	10.0	8.0	8.0		8.5	
56	2122120218	Nguyễn Phương Thùy	05/04/2004	CCQ2212G	6.0	10.0	7.0		7.5	
57	2122200065	Lê Đào Xuân Tiên	12/02/2002	CCQ2220G	8.0	6.0	7.0		7.0	
58	2122120253	Nguyễn Thị Thanh Tiên	23/10/2004	CCQ2212H	10.0	7.0	6.0		7.3	
59	2122180030	Huỳnh Minh Toàn	20/10/2004	CCQ2218A	5.0	9.0	8.0		7.5	
60	2122120515	Hồ Thị Mỹ Trâm	28/12/2004	CCQ2212N	9.0	5.0	9.0		8.0	
61	2122260257	Hồ Thị Thu Trang	06/03/2004	CCQ2226E	0.0	8.0	8.0		6.0	
62	2122260072	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/03/2004	CCQ2226C	8.0	10.0	7.0		8.0	
63	2122200013	Trần Thị Kim Trúc	28/10/2004	CCQ2220A	10.0	8.0	7.0		8.0	
64	2123190080	Nguyễn Minh Tú	08/06/2004	CCQ2319C					0.0	
65	2122110310	Loan Thanh Tùng	16/12/2004	CCQ2211H	3.0	8.0	7.0		6.3	
66	2122200227	Đoàn Thị Mỹ Viên	14/06/2004	CCQ2220G	8.0	8.0	8.0		8.0	
67	2122100010	Nguyễn Thị Kiều Xuân	23/03/2003	CCQ2210A	7.0	10.0	7.0		7.8	

68	2122120177	Đào Thị Hoàng	Yến	27/08/2004	CCQ2212F	10.0	7.0	6.0		7.3	
69	2122260095	Tô Thị Ngọc	Yến	24/04/2004	CCQ2212M					0.0	

TPHCM, ngày 28 tháng 10 năm 2023


Lương Anh Kiệt